

Số: /QĐ-SCT

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện  
Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc  
thiểu số và miền núi năm 2023

### GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp, vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính – Tổng hợp.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai phân bổ ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính-Tổng hợp, Trưởng phòng Quản lý Thương mại, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng; ĐVTT;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, KHTCTH.

### GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Tổng

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 (Bổ sung)**

**Đơn vị: VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /3/2023 của Sở Công Thương)

ĐVT: đồng

| STT        | Nội dung  | Tổng số                  | Văn phòng Sở             |
|------------|---|--------------------------|--------------------------|
|            | B   | C                        |                          |
|            | <b><u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u></b>  | <b><u>81.000.000</u></b> | <b><u>81.000.000</u></b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>  | <b>78.000.000</b>        | <b>78.000.000</b>        |
| <b>1.1</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>   | <b>0</b>                 | <b>0</b>                 |
| <b>1.2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>   | <b>78.000.000</b>        | <b>78.000.000</b>        |
|            | <b><i>Loại 280 - Khoản 338 - Nguồn 12</i></b>   |                          |                          |
|            | <i>Vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:<br/>- Dự án 3, Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư<br/>(Mã dự án: CTMT 00513)</i>                        | 78.000.000               | 78.000.000               |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>  | <b>3.000.000</b>         | <b>3.000.000</b>         |
| <b>2.1</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>   | <b>0</b>                 | <b>0</b>                 |
| <b>2.2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>   | <b>3.000.000</b>         | <b>3.000.000</b>         |
|            | <b><i>Loại 160 - Khoản 171 - Nguồn 12</i></b>   |                          |                          |
|            | <i>Vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:<br/>- Dự án 10, Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình<br/>(Mã dự án: CTMT 00521)</i> | 3.000.000                | 3.000.000                |
|            | <b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>  | 1072755                  |                          |
|            | <b>Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch</b>   | 2011                     |                          |

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 (Bổ sung)**

**Đơn vị: SỞ CÔNG THƯƠNG BÌNH ĐỊNH**

**Mã số: 1047497**

**Mã KBNN nơi giao dịch: 2011**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /3/2023 của Sở Công Thương)

DVT: đồng

| <b>STT</b> | <b>Nội dung</b>   | <b>Tổng số</b>    |
|------------|---|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>  | <b>-</b>          |
| <b>II</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>   | <b>81.000.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>  | <b>78.000.000</b> |
| 1.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                   |
| 1.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  | 78.000.000        |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>  | <b>3.000.000</b>  |
| 2.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  | 3.000.000         |
| <b>III</b> | <b>Dự toán chi từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị</b>   | <b>-</b>          |
|            | - Đơn vị sử dụng nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao (*) |                   |
|            |   |                   |